

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (tiếp theo) Dự án Chống ngập
ứng khu vực Suối Cải, thành phố Long Khánh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà
thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 727/BC-SKHĐT
ngày 09 tháng 10 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà (tiếp theo) Dự án Chống ngập ứng khu vực Suối Cải, thành phố Long Khánh với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. UBND thành phố Long Khánh chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định và lưu ý:

- Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn để có tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu phù hợp, khi ký hợp đồng với nhà thầu có thỏa thuận rõ, tránh việc nhà thầu thắc mắc yêu cầu bổ sung kế hoạch vốn.

- Chỉ được khởi công xây dựng công trình khi đã đảm bảo bàn giao mặt bằng triển khai dự án.

- Chủ đầu tư quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND thành phố Long Khánh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

Nguyễn Quốc Hùng

PHỤ LỤC I KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU*(Kèm theo Quyết định số**/QĐ-UBND ngày**/**/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

S T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 04 (xây dựng): Tuyến Suối Cải nhánh 1 và công trình trên kênh thuộc tuyến suối Cải nhánh 1 đoạn từ K5+075 đến K6+238 (KF); nội dung công việc theo Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.	29.947.245.000 (Hai mươi chín tỷ, chín trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Từ Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
2	Gói thầu số 05 (xây dựng): Tuyến Suối Cải nhánh 1 và công trình trên kênh thuộc tuyến suối Cải nhánh 1 đoạn từ K3+870,5 đến K5+075; nội dung công việc theo Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.	24.465.594.000 (Hai mươi bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Từ Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

3	Gói thầu số 06 (xây dựng và thiết bị): Tuyến Suối Cải nhánh 2 và công trình trên kênh thuộc tuyến suối Cải nhánh 2 từ DH0+000 đến DH2+147; nội dung công việc theo Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh và phụ lục II đính kèm.	34.017.010.000 (Ba mươi bốn tỷ, không trăm mười bảy triệu, không trăm mười nghìn đồng chẵn), trong đó chi phí xây dựng là 33.963.132.993 đồng và chi phí thiết bị là 53.877.401 đồng.	Ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Từ Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
4	Gói thầu số 07 (xây dựng): Đường dây điện (trụ và dây) phục vụ vận hành máy đóng mở cống điều tiết tại K3+843 (thiết bị chuyển đổi nguồn); nội dung công việc theo Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.	220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Từ Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
5	Gói thầu số 08 (xây dựng và thiết bị): Tuyến Suối nhánh 1 và công trình trên kênh thuộc tuyến suối Cải nhánh 1 đoạn từ K2+398 đến K3+843; nội dung công việc theo Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh và phụ lục II đính kèm.	43.916.524.000 (Bốn mươi ba tỷ, chín trăm mười sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng chẵn), trong đó chi phí xây dựng là 43.732.080.931 đồng và chi phí thiết bị là 184.443.609 đồng.	Ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Từ Quý I năm 2021	Trọn gói	Tối đa 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

6	Gói thầu số 09 (xây dựng): Cống qua đường tại K0+925, K1+695, K3+274; nội dung công việc theo Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.	8.731.753.000 (Tám tỷ, bảy trăm ba mươi một triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Từ Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 180 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
7	Gói thầu số 10 (xây dựng): Cống qua đường tại K0+836 (QL1A); nội dung công việc theo Quyết định số 3171/QĐ- UBND ngày 01/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.	3.381.839.000 (Ba tỷ, ba trăm tám mươi một triệu, tám trăm ba mươi chín nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Từ Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
8	Gói thầu số 11 (xây dựng): Tuyến Suối Cải nhánh 1 và công trình trên kênh thuộc tuyến suối Cải nhánh 1 đoạn từ K0+000 đến K2+398; nội dung công việc theo Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.	55.152.145.000 (Năm mươi lăm tỷ, một trăm năm mươi hai triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Từ Quý I năm 2021	Trọn gói	Tối đa 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
9	Gói thầu số 12 (xây dựng): Di dời ống nước dọc đường bê tông hiện hữu đoạn từ K0+581 đến K0+727 - Suối Nhánh 1; nội dung công việc theo Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của Chủ tịch	200.000.000 (Hai trăm triệu đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Từ Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

	UBND tỉnh.							
10	Gói thầu số 13 (tư vấn): Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị gói thầu số 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12.	2.506.613.000 (Hai tỷ, năm trăm linh sáu triệu, sáu trăm mười ba nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Từ Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 600 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
11	Gói thầu số 14 (tư vấn): Thẩm định hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu số 04.	29.947.000 (Hai mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Từ Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 40 ngày cho tổng các công việc
12	Gói thầu số 15 (tư vấn): Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu số 05.	24.465.000 (Hai mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Từ Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 40 ngày cho tổng các công việc
13	Gói thầu số 16 (tư vấn): Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu số 06	33.963.000 (Ba mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Từ Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 40 ngày cho tổng các công việc

14	Gói thầu số 17 (tư vấn): Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu số 08.	43.732.000 (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Từ Quý IV năm 2020	Trộn gói	Tối đa 40 ngày cho tổng các công việc
15	Gói thầu số 18 (tư vấn): Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu số 09.	8.731.000 (Tám triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Từ Quý IV năm 2020	Trộn gói	Tối đa 40 ngày cho tổng các công việc, trong đó thời gian thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu tối đa là 10 ngày
16	Gói thầu số 19 (tư vấn): Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu số 10.	3.381.000 (Ba triệu, ba trăm tám mươi một nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Từ Quý IV năm 2020	Trộn gói	Tối đa 40 ngày cho tổng các công việc, trong đó thời gian thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu tối đa là 10 ngày
17	Gói thầu số 20 (tư vấn): Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu số 11.	55.152.000 (Năm mươi lăm triệu, một trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Từ Quý IV năm 2020	Trộn gói	Tối đa 40 ngày cho tổng các công việc
18	Gói thầu số 21 (tư vấn): Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu số 13.	2.504.000 (Hai triệu, năm trăm linh bốn nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Từ Quý IV năm 2020	Trộn gói	Tối đa 40 ngày cho tổng các công việc

19	Gói thầu số 22 (tư vấn): Chính lý hồ sơ đo đạc, phục hồi mốc giải phóng giải phóng mặt trong quá trình bồi thường, thu hồi đất.	100.000.000 (Một trăm triệu đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Từ Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 600 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
20	Gói thầu số 23 (phi tư vấn): Thi công rà phá bom mìn vật nổ phạm vi toàn dự án và vận chuyển, tiêu hủy bom mìn vật nổ rà phá được, nội dung công việc theo Quyết định số 411/QĐ-BTL ngày 19/3/2012 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7.	1.703.031.000 (Một tỷ, bảy trăm linh ba triệu, không trăm ba mươi một nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu thông thường	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Từ Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
21	Gói thầu số 24 (tư vấn): Giám sát thi công rà phá bom mìn vật nổ phạm vi toàn dự án và giám sát việc vận chuyển, tiêu hủy bom mìn vật nổ rà phá được.	16.534.000 (Mười sáu triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Từ Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
22	Gói thầu số 25 (phi tư vấn): Bảo hiểm rủi ro của chủ đầu tư trong quá trình thực hiện các gói thầu 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12.	1.037.887.000 (Một tỷ, không trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Từ Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 600 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
22	Gói thầu số 26 (tư vấn): Quan trắc môi trường.	198.000.000 (Một trăm chín mươi	Ngân sách	Chỉ định thầu rút		Từ Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 600 ngày kể từ ngày ký

		tám triệu đồng chẵn).	tỉnh	gọn				hợp đồng
23	Gói thầu số 27 (tư vấn): Cắm tim mốc công trình.	100.000.000 (Một trăm triệu đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Từ Quý IV năm 2020	Trọn gói	Tối đa 600 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
Tổng giá trị các gói thầu		205.896.050.000 đồng (Hai trăm linh năm tỷ, tám trăm chín mươi sáu triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).						

PHỤ LỤC II KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

/2020 của Chủ tịch UBND

tỉnh Đồng Nai).

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu	Số lượng	Thành tiền
Gói thầu số 06 (xây dựng và thiết bị): Tuyến Suối Cải nhánh 2 và công trình trên kênh thuộc tuyến suối Cải nhánh 2 từ DH0+000 đến DH2+147				
1	Chi phí xây dựng			33.963.132.993
2	Chi phí thiết bị			53.877.401
a	Chi phí mua sắm thiết bị			
	Máy đóng mở cửa van V5,0	Máy	1	21.000.000
	Vít me đường kính 60	mét	6	8.399.998
	Máy đóng mở cửa van V0,5	Máy	5	14.000.003
b	Chi phí quản lý mua sắm thiết bị của nhà thầu			477.400
c	Chi phí vận chuyển và lắp đặt			10.000.000
	Tổng cộng			34.017.010.000
Gói thầu số 08 (xây dựng và thiết bị): Tuyến Suối nhánh 1 và công trình trên kênh thuộc tuyến suối Cải nhánh 1 đoạn từ K2+398 đến K3+843.				
1	Chi phí xây dựng			43.732.080.931
2	Chi phí thiết bị			184.443.609
a	Chi phí mua sắm thiết bị			
	Máy đóng mở cửa van V10A	Máy	4	128.000.000
	Vít me đường kính 70	mét	22	39.600.009
b	Chi phí quản lý mua sắm thiết bị của nhà thầu			1.843.600
c	Chi phí vận chuyển và lắp đặt			15.000.000
	Tổng cộng			43.916.524.000